

Số: *597* /2016/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày *04* tháng *02* năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án: **Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp; Thông tư số 39/2009/TT-BCT ngày 28/12/2009 của Bộ Công Thương quy định thực hiện một số nội dung của Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Quyết định số 2622/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ngoài 2050;

Căn cứ văn bản số 591/BCT-CNĐP ngày 19/01/2016 của Bộ Công Thương “Về việc thỏa thuận Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020”;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 2931/TTr-SCT ngày 30/12/2015 “Về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” với các nội dung chính như sau:

I. Quan điểm, định hướng phát triển

1. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển cụm công nghiệp phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 2622/QĐ-TTg ngày 31/12/2013

của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch xây dựng Vùng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ngoài 2050 tại Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh; Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 tại Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 23/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và các quy hoạch liên quan, như: Quy hoạch sử dụng đất và đô thị, Quy hoạch các vùng nguyên liệu, Quy hoạch giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc - dịch vụ...

2. Phát triển các cụm công nghiệp nằm trong khu vực có kết cấu hạ tầng thuận lợi; tuân thủ nguyên tắc tách biệt với khu dân cư và hạn chế tối đa việc chuyển mục đích sử dụng đất khi đã có quy hoạch.

3. Ưu tiên hình thành, phát triển một số cụm công nghiệp chuyên ngành, công nghiệp hỗ trợ với quy mô hợp lý nhằm thu hút các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các cơ sở sản xuất hộ gia đình đầu tư phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Đồng thời tạo quỹ đất để di dời các cơ sở sản xuất đang nằm rải rác trong khu dân cư vào cụm công nghiệp nhằm tận dụng tối đa lợi thế hạ tầng của cụm công nghiệp và bảo vệ môi trường.

II. Mục tiêu phát triển

1. Mục tiêu chung

- Điều chỉnh, mở rộng; đưa ra khỏi quy hoạch; quy hoạch mới các cụm công nghiệp trên cơ sở phù hợp với Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ, phục vụ nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh, đảm bảo sử dụng hiệu quả, tiết kiệm quỹ đất và tạo điều kiện thuận lợi trong việc quản lý các cụm công nghiệp trên địa bàn Tỉnh.

- Phục vụ di dời các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp theo Quyết định số 255/2012/QĐ-UBND ngày 08/02/2012 của UBND tỉnh về việc Ban hành quy định chính sách hỗ trợ di dời các cơ sở tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường hoặc phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Mục tiêu cụ thể

- *Giai đoạn đến năm 2020:*

+ Hoàn thiện thủ tục các cụm công nghiệp đã có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, 1/2.000; lựa chọn thành lập mới một số cụm công nghiệp đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, đồng thời hoàn chỉnh xây dựng kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp đã được thành lập. Tổng diện tích các cụm công nghiệp đến năm 2020 là 355,73 ha.

+ Phấn đấu đến năm 2020, đưa tỷ lệ lấp đầy bình quân trong mỗi cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh lên trên 75%; thu hút thêm khoảng 6.000 tỷ đồng vốn đầu tư vào phát triển sản xuất tại cụm công nghiệp; tạo thêm việc làm cho 20.000 – 30.000 lao động.

- *Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030:*

Đầu tư đồng bộ hạ tầng nhằm thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, doanh nghiệp nước ngoài vào đầu tư phát triển sản xuất và kinh doanh

với mục tiêu lấp đầy 80% - 95% diện tích có thể cho thuê tại các cụm công nghiệp đã được quy hoạch ở giai đoạn trước.

III. Luận chứng hình thành cụm công nghiệp

1. Luận chứng hình thành cụm công nghiệp đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Quảng Ninh là một trong số các tỉnh sớm phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp đến năm 2020 (Quyết định 1362/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh). Tuy nhiên, qua gần 5 năm thực hiện Quy hoạch nhiều cụm chưa có nhà đầu tư hạ tầng, nhiều cụm công nghiệp có diện tích quá nhỏ dẫn đến tính hiệu quả chưa cao do suất đầu tư lớn. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến không thể đầu tư hạ tầng trong cụm một cách đồng bộ.

Một số cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ nên còn có nhiều bất cập, sản xuất xen lẫn với khu dân cư, cộng với việc đa số các doanh nghiệp trong cụm chưa đầu tư hệ thống xử lý môi trường một cách bài bản do vậy nguy cơ ô nhiễm ngày càng gia tăng.

Theo Quy hoạch xây dựng Vùng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ngoài 2050 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 28/7/2014: Tính đến năm 2030 tỉnh Quảng Ninh sẽ có 21 cụm công nghiệp được phân bố tại 12/14 địa phương, trong đó có một số cụm công nghiệp không phù hợp với Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ như: cụm công nghiệp Cảng Điện Công, cụm công nghiệp và cảng Khe Dây...

Trên cơ sở khảo sát thực tế, đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu, đề xuất của các địa phương trên địa bàn Tỉnh, Đề án điều chỉnh bổ sung quy hoạch cụm công nghiệp tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 xác định trong phạm vi quy hoạch có 11/14 địa phương có cụm công (Các huyện Vân Đồn, Cô Tô, Tiên Yên không quy hoạch cụm công nghiệp).

2. Luận chứng về lựa chọn quy mô và nhu cầu quỹ đất

Hình thành quỹ đất phát triển cụm công nghiệp theo quy định tại Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 07/02/2013 của Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh Quảng Ninh.

Phân bố các cụm công nghiệp trên địa bàn hợp lý, chú trọng tới những khu vực có tiềm năng phát triển như thị trấn, thị tứ, sát các trục hành lang quốc lộ, hành lang tỉnh lộ, các tuyến đường liên huyện, liên xã đã và sẽ được nâng cấp. Chú trọng tới việc hình thành một số cụm công nghiệp - dịch vụ ở khu vực các huyện ven biển thuận tiện cho tiếp cận các dịch vụ cảng biển, nghề nuôi trồng và chế biến thủy hải sản.

Xây dựng và phát triển từng cụm công nghiệp theo quy hoạch chi tiết được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đầu tư hạ tầng trong cụm công nghiệp phải

tính toán và kết hợp với đầu tư hệ thống hạ tầng ngoài hàng rào, khu dân cư, khu nhà ở và dịch vụ cho người lao động làm việc trong các cụm công nghiệp.

IV. Nội dung điều chỉnh, bổ sung quy hoạch

1. Giai đoạn đến năm 2020

- Đưa ra khỏi quy hoạch 35 cụm công nghiệp với tổng diện tích 1.051,66 ha.
- Giữ nguyên 2 cụm công nghiệp với diện tích 118,32 ha.
- Điều chỉnh về quy mô diện tích 05 cụm công nghiệp với tổng diện tích 152,41 ha.
- Bổ sung vào quy hoạch 06 cụm công nghiệp phục vụ phát triển CN-TTCN và di dời các cơ sở tiểu thủ công nghiệp với tổng diện tích tăng thêm là 85 ha.

Như vậy, đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh sẽ có 13 cụm công nghiệp với tổng diện tích 355,73 ha, bình quân khoảng 27,4 ha đất/1 cụm.

2. Giai đoạn 2021 -2030

- Mở rộng 11/13 cụm công nghiệp đã được quy hoạch ở giai đoạn trước với tổng diện tích mở rộng là 258,1 ha.
- Bổ sung vào quy hoạch 06 cụm công nghiệp phục vụ cho nhu cầu phát triển công nghiệp với tổng diện tích là 228,5 ha.

Như vậy, theo Đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030: tính đến năm 2030, toàn Tỉnh có 19 cụm công nghiệp với tổng diện tích là: 842,33 ha, bình quân 44,33 ha/cụm công nghiệp.

(Chi tiết trong phụ lục kèm theo)

V. Dự kiến cơ cấu huy động vốn

Dự báo cơ cấu nguồn vốn trên cơ sở khả năng thu hút vốn và kinh nghiệm của các tỉnh, địa phương trên cả nước. Trong tổng số 6.265,4 tỷ đồng được huy động từ nay đến năm 2030, cơ cấu vốn được dự báo như sau:

Bảng 1. Dự báo cơ cấu nguồn vốn đầu tư (đơn vị tỷ đồng)

STT	Các nguồn huy động	Đến năm 2020	Giai đoạn 2021 -2030	Tỷ lệ (%)
	Nhu cầu vốn đầu tư	2.376,5	3.888,9	100
I	Nguồn vốn trong nước	1.425,9	3.111,1	80
1.1	Từ Ngân sách, chủ yếu là Trung ương	118,9	155,6	4-5
1.2	Vốn vay trong nước	380,2	1.400,0	30-36
1.3	Tự có của doanh nghiệp làm hạ tầng và huy động từ các nhà đầu tư	926,8	1.555,5	38-40
II	Nguồn vốn nước ngoài, chủ yếu là ODA, FDI	950,6	777,8	20

Bảng 2. Tổng hợp vốn đầu tư theo thời kỳ quy hoạch

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Đến 2020	2021-2030
1	Diện tích CCN cả tỉnh	ha	355,73	486,60

2	Nhu cầu vốn đầu tư	tỷ đồng	2.376,5	3.888,9
3	Nhu cầu công suất điện	MW	33,8	55,8
4	Nhu cầu nước sạch	m ³ /ngày đêm	14.686,9	24.264,4
5	Nhu cầu thuê bao điện thoại cố định	máy	14.686,9	24.264,4
6	Dự kiến lượng nước thải công nghiệp từ CCN	m ³ /ngày đêm	14.686,9	24.264,4
7	Lượng chất thải rắn	tấn/ngày đêm	581,3	809,4

VI. Các nhóm giải pháp chủ yếu

1. Nhóm giải pháp về công tác quản lý nhà nước

Thực hiện nghiêm Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời chỉ đạo các Sở, ban ngành cụ thể hóa các quy định của Trung ương vào điều kiện cụ thể của tỉnh, đồng thời có sự phối hợp toàn diện và tích cực trong việc hỗ trợ, tháo gỡ các vướng mắc cho các nhà đầu tư triển khai dự án và hoạt động sản xuất kinh doanh.

UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào thực tế phát triển công nghiệp trên địa bàn, tình hình thu hút đầu tư và nhu cầu đất cho phát triển công nghiệp xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển cụm công nghiệp báo cáo UBND tỉnh và gửi hồ sơ về Sở Công Thương để làm công tác thẩm định.

Tăng cường công tác nắm bắt thông tin, tình hình đầu tư, sản xuất kinh doanh trong các cụm công nghiệp để kịp thời cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các giấy phép, chứng chỉ, chứng nhận liên quan đến hoạt động trong cụm công nghiệp cho phù hợp.

Triển khai một số dịch vụ công hỗ trợ hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong cụm công nghiệp. Đồng thời chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch cho các hoạt động xúc tiến đầu tư vào cụm công nghiệp trong chương trình xúc tiến thương mại chung của Tỉnh.

Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hình thành, hoạt động và phát triển cụm công nghiệp. Kết hợp với việc triển khai cơ chế giám sát xã hội đối với phát triển các cụm công nghiệp thông qua thực hiện công khai hóa, minh bạch hoá chủ trương, quy hoạch, cơ chế chính sách đối với phát triển cụm công nghiệp.

Đẩy mạnh việc phân cấp quản lý các cụm công nghiệp cho chính quyền địa phương theo hướng đơn giản, hiệu quả bền vững. Tăng cường sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

2. Nhóm giải pháp về vốn và nguồn vốn thực hiện quy hoạch

Tỉnh xem xét hỗ trợ một phần kinh phí cho các dự án xây dựng cụm công nghiệp (điều chỉnh khung giá đất, xây dựng đường giao thông đến địa điểm xây dựng cụm công nghiệp) ở các huyện là địa bàn khó khăn.

Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ Chương trình khuyến công Quốc gia, Chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn ban hành theo Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến công, Thông tư Liên tịch số 26/2014/TTLT/BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương; Quyết định số 2428/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với tỉnh Quảng Ninh và khu kinh tế Vân Đồn...

Các cụm công nghiệp chưa được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nhưng để đáp ứng nhu cầu phát triển, Tỉnh có thể vay vốn ODA thực hiện sau đó cho thuê để thu hồi vốn hoặc kêu gọi các nhà đầu tư có tiềm lực bỏ vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và kinh doanh cho thuê đất sản xuất. Nhà đầu tư ứng vốn làm hạ tầng sẽ được giành một phần nguồn thu từ đất công nghiệp, dịch vụ để hoàn vốn.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng, các chủ trương đầu tư cụm công nghiệp, các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn ưu đãi của Ngân hàng theo tiến độ dự án đảm bảo quy định.

Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng lãi suất thấp, thời hạn dài; thực hiện cơ chế bảo lãnh tín dụng (trong phạm vi pháp luật cho phép) để các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp có thể huy động vốn trực tiếp của các tổ chức và cá nhân (đặc biệt là vốn của các hộ dân được đền bù giải phóng mặt bằng và vốn của các doanh nghiệp đăng ký đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp) nhằm nâng cao khả năng huy động vốn đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp.

3. Nhóm giải pháp về bồi thường giải phóng mặt bằng

Bên cạnh những cơ chế, chính sách chung của Nhà nước, Tỉnh sẽ xem xét ban hành những cơ chế chính sách riêng liên quan đến đất, ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất, đầu tư cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp. Tăng cường hiệu lực của các quy định pháp luật về chính sách đất đai.

Việc giải phóng mặt bằng và tái định cư cần có sự phối hợp của các nhà đầu tư và Chính quyền, các đoàn thể chính trị-xã hội trên địa bàn nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của người dân bị thu hồi đất và quyền lợi giải phóng nhanh mặt bằng cho các nhà đầu tư. Phương hướng và địa điểm tái định cư sẽ được xác định rõ khi quy hoạch chi tiết các cụm công nghiệp.

4. Nhóm giải pháp triển khai các chính sách phát triển hạ tầng xã hội đối với khu vực xây dựng cụm công nghiệp

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế đặc thù của địa phương để ưu tiên mọi nguồn lực tập trung cho công tác bồi thường GPMB và xây dựng hạ tầng các khu tái định cư, nhà ở công nhân.

- Khuyến khích, hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh cho doanh nghiệp cụm công nghiệp, các chủ đầu tư hạ tầng, đầu tư hạ tầng khu nhà ở cho người mất đất

và công nhân lao động của cụm công nghiệp, bao gồm cả các dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội tại khu vực liên quan và giáp ranh với cụm công nghiệp.

- Được hưởng chính sách theo Quyết định số 255/2012/QĐ-UBND ngày 08/02/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh Quy định Chính sách hỗ trợ di dời các cơ sở tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường hoặc phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

5. Nhóm giải pháp về thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp

Căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu, quy mô phát triển CCN và suất đầu tư tối ưu đã nêu ở trên, dự kiến tổng nhu cầu vốn đầu tư cơ sở hạ tầng cần có:

- Giai đoạn đến năm 2020 là: 2.376,5 tỷ đồng.

- Giai đoạn đến năm 2030 là: 3.888,9 tỷ đồng.

Để có số vốn trên cần áp dụng các giải pháp sau:

- Tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả đầu tư, thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực về vốn, công nghệ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp. Tập trung huy động vốn từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước, vốn tín dụng, lập Quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển các cụm công nghiệp.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư vào cụm công nghiệp theo một đầu mối tổ chức thống nhất, có sự tham gia của các Sở, ban, ngành, có trọng tâm, trọng điểm riêng cho từng đối tượng cần thu hút vốn. Thành lập các Đại diện xúc tiến đầu tư ở các thành phố, địa phương lớn để thu hút những doanh nghiệp quan tâm đến tiềm năng của Quảng Ninh.

- Khuyến khích hình thức quản lý đầu tư cụm công nghiệp theo hình thức “đầu tư công - Quản trị tư” theo Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính Phủ về hình thức đối tác công tư trên nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến hoạt động và tính chất của cụm công nghiệp đã được quy định tại Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức cá nhân có liên quan.

- Chuẩn bị tốt Danh mục các dự án cần thu hút đầu tư và phổ biến đầy đủ các điều kiện ưu đãi đầu tư cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

6. Nhóm giải pháp về đất đai

- Thực hiện đồng bộ và nhất quán cơ chế Nhà nước đứng ra thu hồi đất theo đúng các quy định của pháp luật để thành lập các cụm công nghiệp, sau đó giao lại đất sạch cho đơn vị đầu tư kinh doanh hạ tầng đầu tư, quản lý, khai thác.

- Tăng cường hiệu lực của các quy định pháp luật về chính sách đất đai, kết hợp giữa tuyên truyền ý thức pháp luật, vận động, thuyết phục người dân giao đất với các biện pháp cưỡng chế thu hồi đất theo quy định khi cần thiết. Công khai dự án, phương án tổng thể xây dựng cụm công nghiệp và phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng đảm bảo giải quyết hài hòa quyền lợi của người dân bị thu hồi đất.

- Xây dựng hoàn thiện và áp dụng ổn định (nếu có thể) bộ đơn giá quyền sử dụng đất và cơ chế chính sách về miễn, giảm tiền thuê đất, thuế sử dụng đất trong cụm công nghiệp, để nhà đầu tư yên tâm đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp.

7. Nhóm giải pháp về kết cấu hạ tầng

- Lồng ghép có hiệu quả với các chương trình mục tiêu quốc gia và của tỉnh với các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ngoài hàng rào cụm công nghiệp, các dự án phát triển vùng nguyên liệu tập trung ở các địa bàn khó khăn về kinh tế - xã hội nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và hoạt động hiệu quả các cụm công nghiệp của tỉnh Quảng Ninh. Trong quá trình xây dựng và phát triển cụm công nghiệp cần thiết phải xây dựng và triển khai chính sách phát triển hạ tầng xã hội đồng bộ như nhà ở cho người lao động, các công trình công cộng... cận kề với khu vực xây dựng cụm công nghiệp.

- Việc xây dựng các công trình hạ tầng xã hội là trách nhiệm của nhà nước và các doanh nghiệp. Ngoài việc sử dụng một phần vốn từ ngân sách nhà nước, cần huy động các nguồn lực khác của xã hội bằng những cơ chế thích hợp, ưu đãi.

8. Nhóm giải pháp về đào tạo và chuẩn bị lực lượng lao động cho các cụm công nghiệp

8.1. Về tạo nguồn nhân lực tại chỗ cho các cụm công nghiệp

- Việc phát triển nguồn nhân lực cho cụm công nghiệp phải từng bước nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề, có khả năng tiếp thu hiệu quả các phương pháp quản lý khoa học hiện đại, các trình độ thiết bị công nghệ cao, tiên tiến trên thế giới; Đặc biệt chú ý rèn tác phong và nếp sống văn hoá công nghiệp phù hợp với điều kiện địa phương.

- Doanh nghiệp trong các cụm công nghiệp cần cam kết và thực hiện tuyển dụng lao động tại địa phương nơi có cụm công nghiệp; Đặc biệt ưu tiên lao động bị mất đất sản xuất. Đồng thời với việc đảm bảo chất lượng lao động, việc tuyển dụng để đào tạo và đào tạo lại cũng cần tập trung vào các đối tượng này.

8.2. Về đào tạo nguồn nhân lực cho các cụm công nghiệp

- Tạo dựng mối liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp trong các cụm công nghiệp với trường đại học Hạ Long, trường đại học công nghiệp Quảng Ninh và các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo lao động của doanh nghiệp về ngành nghề, số lượng và chất lượng. Việc đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp tại cụm công nghiệp cần phải quan tâm đầy đủ tới cơ cấu chuyên môn: Nhân lực quản lý, điều hành; nhân lực chuyên môn nghiệp vụ cao; công nhân kỹ thuật ở trình độ khác nhau. Hàng năm, Tỉnh giao cho các trường dạy nghề đóng trên địa bàn một số chỉ tiêu định hướng dành cho các cụm công nghiệp, hoặc theo đăng ký của các doanh nghiệp với đầu mối tổng hợp là Sở Công thương kèm theo các cơ chế ưu đãi và chế độ tuyển dụng sau khi tốt nghiệp.

- Ưu tiên hỗ trợ các chương trình kế hoạch đào tạo phù hợp với nhu cầu, sát với thực tế, đáp ứng kịp thời yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực kỹ thuật theo đặt hàng, theo địa chỉ của các doanh nghiệp trong khu, cụm công nghiệp.

- Xem xét đầu tư đổi mới cơ sở vật chất, điều kiện giảng dạy, điều kiện học tập, trước hết là các trường dạy nghề của Tỉnh để đội ngũ công nhân kỹ thuật sau khi được đào tạo có thể tiếp cận và vận hành ngay các trang thiết bị máy móc mới trong cụm công nghiệp.

8.3. Đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong các cụm công nghiệp

Doanh nghiệp cần phải có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực riêng để chủ động trong việc tổ chức đào tạo cả về quy mô, trình độ và cơ cấu ngành nghề, chú ý vấn đề kèm cặp nâng cao tay nghề tại chỗ; Doanh nghiệp cần phải có nhân lực, bộ máy chuyên trách về quản lý nguồn nhân lực.

9. Nhóm giải pháp phát triển khoa học công nghệ

Một trong những vấn đề mấu chốt để nâng cao hiệu quả sản xuất và tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm, đảm bảo các điều kiện phát triển bền vững về môi trường là không ngừng đổi mới công nghệ. Trong thời gian tới Tỉnh cần thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

- Đổi mới công tác quản lý khoa học công nghệ phù hợp với cơ chế thị trường và yêu cầu hội nhập quốc tế. Tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống quản lý nhà nước về khoa học công nghệ ở Tỉnh theo hướng linh hoạt và hiệu quả. Thực hiện cơ chế liên kết giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các tổ chức khoa học công nghệ và các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp.

- Tổ chức trao đổi kinh nghiệm giữa các doanh nghiệp trong và ngoài cụm công nghiệp; Mua thiết bị công nghệ phù hợp. Giai đoạn này cần tích cực thu hút công nghệ từ các tập đoàn, tỉnh bạn, tiến tới nghiên cứu, tự chủ công nghệ ở giai đoạn sau.

- Ưu đãi cho các doanh nghiệp có các dự án chuyển giao công nghệ và có cam kết tài trợ cho một số các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp nói riêng và trên địa bàn Tỉnh nói chung.

10. Nhóm giải pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, đào tạo và nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và người lao động trong việc phòng ngừa và bảo vệ môi trường. Tăng cường năng lực và trách nhiệm quản lý môi trường cho các cụm công nghiệp và các địa phương.

- Khuyến khích triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất của cụm công nghiệp. Đối với cụm công nghiệp thành lập mới, việc quy hoạch tổng thể bảo vệ môi trường phải được thực hiện ngay từ khi lập dự án. Trong quy hoạch chi tiết, ngoài việc bố trí mặt bằng cho các nhà máy, nhất thiết phải đề cập đến phương án bảo vệ môi trường.

- Thực hiện việc lựa chọn, chấp thuận các dự án có đủ điều kiện về sản xuất, về đảm bảo điều kiện môi trường nhằm phát triển bền vững các cụm công nghiệp.

- Tuân thủ tuyệt đối các nguyên tắc thiết kế kỹ thuật, đảm bảo hợp lý về kiến trúc không gian, các nguyên tắc phòng cháy, chữa cháy và bố trí các công trình theo yếu tố đặc trưng về khả năng ô nhiễm môi trường nhằm tránh những tác động tiêu cực giữa các đối tượng công trình trong cụm công nghiệp với nhau và của cụm công nghiệp đối với khu dân cư; diện tích đất trồng cây xanh phải hợp lý và đảm bảo đạt ít nhất 15% diện tích mặt bằng cụm công nghiệp.

- Thiết kế và xây dựng hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải hợp lý đảm bảo sử dụng tiết kiệm và tăng cường khả năng tái sử dụng nước; thu gom và xử lý toàn bộ nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn trong quá trình thi công xây dựng cơ sở hạ tầng và giai đoạn hoạt động của cụm công nghiệp đảm bảo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn Việt Nam về nước thải công nghiệp và các quy định liên quan khác.

- Trong quá trình thi công xây dựng cơ sở hạ tầng và vận hành cụm công nghiệp phải đảm bảo các Tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường liên quan đến chất lượng không khí: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 06 : 2009/BTNMT; QCVN 19: 2009/BTNMT; QCVN 20: 2009/BTNMT.

- Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp và rác thải sinh hoạt trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng cũng như trong quá trình vận hành cụm công nghiệp, đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường, lưu giữ và xử lý các chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn điều kiện hành nghề và thủ tục lập hồ sơ đăng ký, cấp phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Công Thương

Là cơ quan đầu mối tham mưu giúp UBND tỉnh hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các cụm công nghiệp trên địa bàn, có nhiệm vụ chủ trì phối hợp với các ngành, địa phương công bố, tuyên truyền và triển khai thực hiện nội dung của Quy hoạch; thẩm định hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp trình UBND tỉnh phê duyệt; tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp và các dự án đầu tư xây dựng công trình trong cụm công nghiệp theo thẩm quyền; đề xuất và thực hiện các cơ chế, chính sách, quy định liên quan đến phát triển cụm công nghiệp.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Hàng năm, chủ trì phối hợp với Sở Tài chính xem xét, cân đối, bố trí nguồn ngân sách để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào cụm công nghiệp, các khu tái định cư. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh cần tính toán điều chỉnh và thông báo cho các ngành cùng thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng được hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp lập hồ sơ, dự án theo quy định của Nhà nước.

3. Sở Giao thông Vận tải

Hướng dẫn các đơn vị kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp thực hiện đấu nối với các tuyến giao thông trên địa bàn tỉnh, cấp phép đấu nối với các tuyến đường do Sở quản lý.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và các cấp chính quyền tổ chức quản lý, hướng dẫn và tổ chức giám sát công tác bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất theo quy định của pháp luật.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thị xã thành phố và các chủ đầu tư hạ tầng triển khai nhiệm vụ đào tạo nghề và giải quyết lao động việc làm cho các cụm công nghiệp, đặc biệt là giải quyết bố trí sử dụng lao động mất việc làm do bị thu hồi đất hoặc di dời được hưởng chính sách theo Quyết định số 255/2012/QĐ-UBND ngày 08/02/2012 của Ủy ban nhân tỉnh Quảng Ninh.

6. Sở Tài Chính

- Chủ trì về việc ban hành đơn giá thuê đất, đơn giá cho thuê hạ tầng, phí bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp.

- Hướng dẫn các Chủ đầu tư trong việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được hỗ trợ phục vụ phát triển cụm công nghiệp; tổ chức thanh tra, kiểm tra, quyết toán đúng quy định.

- Hướng dẫn và tổ chức công tác thẩm tra, kiểm tra quyết toán vốn đầu tư của các dự án có sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

7. Các Sở, ngành: Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ...theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với cơ quan chủ trì triển khai các công việc liên quan để thực hiện quy hoạch này.

8. UBND các huyện, thị xã và thành phố

Phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức tuyên truyền và triển khai thực hiện quy hoạch trên địa bàn; thu hút đầu tư, bố trí quỹ đất, tổ chức triển khai đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp theo quy hoạch:

- Chỉ đạo Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng trong việc thực hiện chức năng cơ quan đầu mối giúp UBND huyện, thị xã, thành phố quản lý nhà nước về cụm công nghiệp.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc, UBND cấp xã (phường, thị trấn...) hỗ trợ thực hiện công tác thu hồi đất, đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư...để nhanh chóng triển khai thực hiện xây dựng cụm công nghiệp trên địa bàn.

- Chỉ đạo lập hồ sơ thành lập, mở rộng, bổ sung quy hoạch cụm công nghiệp trên địa bàn; chỉ đạo lập quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng; đề xuất lựa

chọn chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp theo quy định và tổ chức triển khai đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp trên địa bàn sau khi được phê duyệt.


- Tham gia xây dựng quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn.

9. Nhà đầu tư hạ tầng và doanh nghiệp trong cụm công nghiệp

- Trong quá trình xây dựng và vận hành cụm công nghiệp phải tuân thủ quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết đã được duyệt. Khi cần điều chỉnh cần được cấp thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan.

- Các nhà đầu tư phải triệt để tuân thủ pháp luật Nhà nước và quy định hợp hiến của Chính quyền địa phương và thực hiện trách nhiệm xã hội đối với dân cư trên địa bàn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 12/5/2010 của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Điều 4. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi thành./. 

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Như Điều 3 (thực hiện);
- V0, V1, V4, các chuyên viên NCTH;
- Lưu VT, XD3.
XD3.5b-QĐ16.01

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Tùng

DANH MỤC CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP
TỈNH QUẢNG NINH ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số: *392* /QĐ-UBND ngày *04* tháng *02* năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh)



STT	Tên	Địa điểm	Tính chất	Giai đoạn quy hoạch (ha)		Tổng diện tích (ha)
				Đến năm 2020	Giai đoạn 2021-2030	
I. Thị xã Đông Triều (03 CCN)				70,78	100,00	170,78
1	Cụm công nghiệp Kim Sen	Phường Kim Sơn, TX.Đông Triều	Cơ khí, sản xuất VLXD, ...	70,78	-	70,78
2	Cụm công nghiệp Tràng An	Xã Tràng An, TX.Đông Triều	Sản xuất VLXD, tiêu thụ công nghiệp ...	-	50,00	50,00
3	Cụm công nghiệp An Sinh	Xã An Sinh, TX.Đông Triều	Công nghiệp chế biến nông, lâm sản ...	-	50,00	50,00
II. Thành phố Uông Bí (02 CCN)				25,00	71,00	96,00
4	Cụm công nghiệp liên phường Phương Đông - Phương Nam	Phường Phương Đông & phường Phương Nam, TP.Uông Bí	Cơ khí và sản xuất VLXD, chế biến lâm sản ...	25,00	50,00	75,00
5	Cụm công nghiệp Bắc Sơn	Phường Bắc Sơn, TP.Uông Bí	Cơ khí, chế biến và sản xuất VLXD ...	-	21,00	21,00
III. Huyện Hoành Bồ (01 CCN)				55,36	19,60	74,96
6	Cụm công nghiệp Hoành Bồ	Xã Thống Nhất, huyện Hoành Bồ	Chế biến nông, lâm sản; cơ khí và sản xuất VLXD ...	55,36	19,60	74,96

STT	Tên	Địa điểm	Tính chất	Giai đoạn quy hoạch (ha)		Tổng diện tích (ha)
				Đến năm 2020	Giai đoạn 2021-2030	
IV. Thành phố Hạ Long (01 CCN)				47,54	2,50	50,04
7	Cụm công nghiệp Hà Khánh	Phường Hà Khánh, TP.Hạ Long	Cơ khí lắp ráp, sửa chữa thiết bị; sản xuất VLXD; chế biến nông, lâm sản ...	47,54	2,50	50,04
V. Thành phố Cẩm Phả (03 CCN)				49,50	95,00	144,50
8	Cụm công nghiệp Quang Hanh	Phường Quang Hanh, TP.Cẩm Phả	Sản xuất VLXD; chế biến lâm sản; tiêu thụ công nghiệp; cơ khí, sửa chữa thiết bị ...	29,50	20,00	49,50
9	Cụm công nghiệp Dương Huy	Xã Dương Huy TP.Cẩm Phả	Cơ khí, sửa chữa máy móc thiết bị ...	10,00	35,00	45,00
10	CCN Cẩm Thịnh (CCN phụ trợ của ngành than)	Phường Cẩm Thịnh, TP.Cẩm Phả	Cơ khí, sửa chữa	10,00	40,00	50,00
VI. Huyện Ba Chẽ (02 CCN)				47,55	50,00	97,55
11	Cụm công nghiệp Nam Sơn	Xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ	Sản xuất VLXD; chế biến nông, lâm sản; sửa chữa cơ khí ...	47,55		47,55
12	Cụm công nghiệp Đạp Thanh	Xã Đạp Thanh, huyện Ba Chẽ	Sản xuất VLXD; chế biến nông, lâm sản; sửa chữa cơ khí ...	-	50,00	50,00
VII. Huyện Bình Liêu (02 CCN)				10,00	32,50	42,50
13	Cụm công nghiệp Đồng Tâm	Xã Đồng Tâm, huyện Bình Liêu	Sản xuất VLXD; chế biến nông, lâm sản; sửa chữa cơ khí ...	10,00	25,00	35,00

STT	Tên	Địa điểm	Tính chất	Giai đoạn quy hoạch (ha)		Tổng diện tích (ha)
				Đến năm 2020	Giai đoạn 2021-2030	
14	Cụm công nghiệp thị trấn Bình Liêu	Thị trấn Bình Liêu, huyện Bình Liêu	Sản xuất VLXD; chế biến nông, lâm sản; sửa chữa cơ khí ...	-	7,50	7,50
VIII. Huyện Đầm Hà (02 CCN)				10,00	60,00	70,00
15	Cụm công nghiệp Đông Đầm Hà	Xã Tân Bình, huyện Đầm Hà	Sản xuất VLXD; chế biến nông, lâm sản; sửa chữa cơ khí ...	10,00	10,00	20,00
16	Cụm công nghiệp Tây Đầm Hà	Xã Dục Yên, huyện Đầm Hà	Sản xuất VLXD; chế biến nông, lâm sản; sửa chữa cơ khí ...	-	50,00	50,00
IX. Huyện Hải Hà (01 CCN)				10,00	60,00	70,00
17	Cụm công nghiệp Quảng Đức	Xã Quảng Đức, huyện Hải Hà	Sản xuất VLXD; chế biến nông, lâm sản; sửa chữa cơ khí ...	10,00	10,00	20,00
X. Thành phố Móng Cái (01 CCN)				20,00	30,00	50,00
18	Cụm công nghiệp Tây Móng Cái	Xã Hải Tiên, TP.Móng Cái	Chế biến nông, lâm sản; sửa chữa cơ khí ...	20,00	30,00	50,00
XI. Thị xã Quảng Yên (01 CCN)				10,00	6,00	16,00
19	Cụm công nghiệp Đông Mai	Phường Đông Mai, TX.Quảng Yên	Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông, lâm, thủy sản...	10,00	6,00	16,00
Tổng cộng				355,73	486,60	842,33